

NHỮNG THÁCH THỨC NGÔN NGỮ ĐỐI VỚI SINH VIÊN TRONG CÁC LỚP HỌC MÔN CHUYÊN NGÀNH BẰNG TIẾNG ANH

*Nguyễn Thị Thúy Nga**
Email: ngantt8x@gmail.com

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 12/06/2024

Ngày phản biện đánh giá: 17/12/2024

Ngày bài báo được duyệt đăng: 27/12/2024

DOI: 10.59266/houjs.2024.508

Tóm tắt: Trong bối cảnh toàn cầu hóa, ngày càng nhiều các chương trình đào tạo ở bậc đại học sử dụng tiếng Anh là phương tiện giảng dạy môn học chuyên ngành (EMI – Tiếng Anh như một phương tiện giảng dạy). Tuy vậy, sinh viên tham gia lớp học EMI phải đối mặt với không ít thách thức, trong đó thách thức liên quan đến ngôn ngữ được nhắc đến nhiều nhất bởi các nhà nghiên cứu. Dựa trên dữ liệu thứ cấp từ các nghiên cứu liên quan, bài viết tổng hợp những thách thức liên quan đến ngôn ngữ đối với sinh viên trong lớp học EMI. Các nghiên cứu cho thấy bên cạnh các nội dung ngôn ngữ xung quanh bốn kỹ năng học thuật tiếng Anh: nghe-nói-đọc-viết, từ vựng và kiến thức chuyên ngành cũng là những thách thức liên quan đến ngôn ngữ mà người học phải đối mặt. Ngoài ra, các nghiên cứu cho thấy mối liên quan giữa sự thành thạo Tiếng Anh và những thách thức liên quan đến ngôn ngữ trong lớp học EMI. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra một số trao đổi về các đề xuất trong việc trợ giúp ngôn ngữ cho sinh viên EMI bao gồm triển khai lớp học dự bị, và tiếp cận phương pháp sư phạm tích hợp nội dung và ngôn ngữ trong lớp học EMI.

Từ khóa: thách thức liên quan đến ngôn ngữ, Tiếng Anh như một phương tiện giảng dạy môn chuyên ngành, giáo dục đại học, sự thành thạo Tiếng Anh.

I. Đặt vấn đề

Với sự phát triển mạnh mẽ của Tiếng Anh tại nhiều quốc gia trên thế giới, tiếng Anh hóa giáo dục đại học đang dần trở thành một hiện tượng toàn cầu. Minh chứng là sự ra đời ngày càng nhiều các chương trình đào tạo ở bậc đại học sử dụng tiếng Anh là phương tiện giảng dạy môn học chuyên ngành (EMI: English as

medium of instruction). Việc triển khai các lớp học EMI cũng được nhiều trường đại học xem là một bước đột phá để chuẩn bị cho sinh viên sẵn sàng trước bối cảnh toàn cầu hóa.

Mặc dù các chương trình EMI được quan tâm triển khai tại nhiều cơ sở giáo dục đại học, việc thực hiện cũng như tham gia lớp học EMI mang lại không ít các

*Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

thách thức. Trong nghiên cứu gần đây của Altay và cộng sự (2021) khi tổng hợp từ nhiều nghiên cứu khác nhau về các thách thức EMI trong giáo dục đại học, các tác giả nhấn mạnh thách thức được nhiều nhà nghiên cứu nhắc đến nhất là trình độ Tiếng Anh chưa đủ của người học. Trong nghiên cứu của mình, Pun & Jin (2021) sau khi xem xét các nghiên cứu liên quan cũng đề cập đến trình độ tiếng Anh của sinh viên là một trong ba yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự thành công của một chương trình EMI. Theo đó, trình độ tiếng Anh của sinh viên phải đạt đến một ngưỡng nhất định để hiểu được nội dung giảng dạy bằng tiếng Anh. Do vậy, tác giả cho rằng, cần thiết phải có sự hiểu biết về những thách thức liên quan đến ngôn ngữ mà sinh viên gặp phải trong lớp học EMI nhằm đảm bảo được việc đạt được nội dung chuyên môn của môn học, từ đó giúp khơi gợi các chính sách ngôn ngữ phù hợp từ các cấp quản lý trong việc nâng cao chất lượng các chương trình EMI.

II. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Thuật ngữ EMI và quan điểm về việc triển khai lớp học EMI

Định nghĩa EMI phổ biến nhất được lấy từ các học giả làm việc tại Trung tâm EMI Oxford: EMI (English as medium of instruction) là việc sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh để dạy các môn học (chứ không phải tiếng Anh) ở các quốc gia mà ngôn ngữ thứ nhất của họ không phải là tiếng Anh (Dearden, 2015)

Dựa trên định nghĩa này, một số nhà nghiên cứu cho rằng trong lớp học EMI, tiếng Anh được sử dụng như là phương tiện giảng dạy chứ không phải là mục đích giảng dạy và việc tiếp thu ngôn ngữ mục tiêu, trong trường hợp này là Tiếng Anh, được cho là do người học đạt được một cách tự nhiên trong môi trường học

tập bằng tiếng Anh (Sert, 2008, trích dẫn trong Le, 2012).

Trái ngược với quan điểm nêu trên, Brown và Bradford (2017) đã nêu trong nghiên cứu của họ rằng việc thông thạo nội dung không phải là kết quả duy nhất của lớp học EMI và EMI có thể kết hợp các yếu tố hỗ trợ ngôn ngữ, từ đó đã cung cấp một định nghĩa cập nhật về EMI như sau:

EMI đòi hỏi phải sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh để dạy các môn học ở các quốc gia mà ngôn ngữ thứ nhất không phải là tiếng Anh. Nó có thể có hoặc không bao gồm mục đích nâng cao khả năng tiếng Anh của người học (Brown & Bradford, 2017).

2.2. Tích hợp nội dung và ngôn ngữ trong lớp học EMI và thuật ngữ CLILised EMI

Macaro và cộng sự (2019) khi thảo luận về vị trí của EMI trong chuỗi mục tiêu từ tập trung hoàn toàn vào nội dung đến tập trung hoàn toàn vào ngôn ngữ cũng bản khoản liệu EMI nên được đặt vào đầu nội dung của chuỗi mục tiêu trong khi EFL (English as foreign language: tiếng Anh là ngoại ngữ) được đặt ở đầu ngôn ngữ trong chuỗi này, hay EMI nên được dịch chuyển gần về đoạn giữa của chuỗi mục tiêu giống như CLIL (Content and Language Integrated Learning: Tích hợp Nội dung và Ngôn ngữ) khi mà việc nâng cao cả kiến thức chuyên ngành và năng lực Tiếng Anh đều được quan tâm trong lớp học EMI.

Tuy nhiên, để không làm mất đi mục tiêu ban đầu của EMI là sử dụng Tiếng Anh để giảng dạy môn chuyên ngành, đồng thời vẫn nêu bật được tầm quan trọng của ngôn ngữ trong bối cảnh EMI, Balbina (2022) đã giới thiệu thuật ngữ CLILised EMI là sự kết hợp của hai ý tưởng: 1) EMI xuất hiện trong bối cảnh ngôn ngữ chung, trong đó mục tiêu chính là truyền tải kiến thức chuyên ngành và 2) EMI cũng có thể bao gồm và tích hợp các mục tiêu học ngôn ngữ để thúc đẩy sự phát triển kiến thức chuyên ngành.

2.3. Mục tiêu ngôn ngữ của lớp học EMI

Nghiên cứu về mục tiêu ngôn ngữ, Kumar (2018) tập trung vào 4 lĩnh vực nói, nghe, đọc, viết với lý giải rằng trong khi mục tiêu nội dung đề cập đến “cái gì” của bài học thì mục tiêu ngôn ngữ đề cập đến “cách thức” học sinh thể hiện những gì họ đã học được. Dựa trên Thang đo Bloom, bốn lĩnh vực này có thể được làm rõ như sau: đối với phần nghe, người học phải có khả năng xác định, kể và chỉ ra; đối với kỹ năng nói, người học có thể đặt và trả lời các câu hỏi, tóm tắt, giải thích và thảo luận; đối với phần đọc, người học có thể đọc to hoặc đọc cùng bạn học, xem trước và tìm thông tin cụ thể; đối với phần viết, người học có thể trình bày và biện minh cho ý kiến, cung cấp bằng chứng để hỗ trợ câu trả lời và tóm tắt.

2.4. Năng lực ngôn ngữ Tiếng Anh của sinh viên tham gia chương trình EMI tại Việt Nam

Trong thực tế triển khai các chương trình EMI tại Việt Nam, để đủ điều kiện tham gia lớp học EMI, sinh viên cần đạt được trình độ Tiếng Anh nhất định. Tuy nhiên, nghiên cứu của Trần Thị Thanh Quyên & Phương Hoàng Yến (2019) khi tìm hiểu về kỳ vọng về tiếng Anh của 8 cơ sở giáo dục đại học ở cả ba miền Bắc – Trung – Nam của Việt Nam khi triển khai chương trình EMI cho thấy có sự không nhất quán về yêu cầu đầu vào tiếng Anh giữa các trường đại học. Theo đó, yêu cầu đầu vào cao nhất là trình độ B2 khung châu Âu, và thấp nhất là A2 khung châu Âu. Kết quả này cho thấy tình huống xảy ra tại Việt Nam tương thích với kết quả nghiên cứu của nhiều tác giả khi đồng nhất quan điểm mặc dù sinh viên cần phải có mức độ thành thạo ngôn ngữ nhất định trước khi vào các lớp học EMI, trình độ tiếng Anh cụ thể vẫn chưa được xác định rõ ràng (Kamaşak và cộng sự, 2021). Đối lập với sự không nhất quán trong yêu cầu

đầu vào Tiếng Anh của các trường đại học, yêu cầu tiếng Anh để sinh viên được xét tốt nghiệp khá thống nhất giữa các trường. Theo đó, yêu cầu cao nhất là trình độ C1 khung châu Âu, yêu cầu thấp nhất là trình độ B2 khung châu Âu (Trần Thị Thanh Quyên & Phương Hoàng Yến 2019).

III. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong bài viết này là nghiên cứu thứ cấp. Tác giả thu thập dữ liệu từ các bài báo, nghiên cứu liên quan bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh được đăng trên các tạp chí khoa học Việt Nam và nước ngoài. Theo đó, câu hỏi nghiên cứu sau được đặt ra: Sinh viên thường gặp phải những thử thách ngôn ngữ nào trong lớp học EMI?

Dựa trên phân tích dữ liệu thứ cấp, tác giả tổng hợp và tóm tắt các thách thức liên quan đến các kỹ năng Tiếng Anh học thuật, và mối liên hệ giữa sự thông thạo Tiếng Anh và các thách thức liên quan đến ngôn ngữ trong lớp học EMI. Từ các kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm trợ giúp ngôn ngữ cho sinh viên học môn chuyên ngành bằng Tiếng Anh.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Kết quả nghiên cứu

4.1.1. Thực trạng về các thách thức liên quan đến các kỹ năng Tiếng Anh học thuật dưới góc nhìn của sinh viên từ các nghiên cứu liên quan

Aizawa và cộng sự (2023) thực hiện một nghiên cứu nhằm xem xét mối quan hệ giữa trình độ tiếng Anh của sinh viên đại học tại Nhật Bản và những thách thức liên quan đến tiếng Anh trong lớp học EMI. Nghiên cứu cũng nhằm tìm hiểu ngưỡng trình độ Tiếng Anh ứng với từng kỹ năng nghe-nói-đọc-viết mà sinh viên cần đạt để ít gặp những thách thức liên quan đến ngôn ngữ khi học môn chuyên ngành bằng Tiếng Anh. Nghiên cứu được thực hiện trên 264 sinh viên trong đó có 13 sinh viên tham gia phỏng vấn chuyên sâu. Kết quả

cho thấy trình độ tiếng Anh có mối liên hệ chặt chẽ với các thử thách ngôn ngữ mà sinh viên có thể đối mặt phải. Sinh viên có trình độ Tiếng Anh càng cao thì thử thách ngôn ngữ đối với họ trong lớp học EMI càng thấp. Kết quả cũng cho thấy đủ minh chứng cho rằng sinh viên có trình độ Tiếng Anh tương đương B2 hoặc C1 khung châu Âu sẽ ít gặp các thách thức liên quan đến ngôn ngữ khi học môn chuyên ngành bằng Tiếng Anh. Đối với từng kỹ năng Tiếng Anh, các sinh viên tham gia nghiên cứu này cho rằng trong bốn kỹ năng, họ ít gặp thách thức nhất đối với kỹ năng viết. Kết quả này đối lập với nhiều nghiên cứu trước đó khi cho rằng viết và nói là hai kỹ năng mà sinh viên thường gặp nhiều thách thức nhất trong lớp học EMI.

Altay và cộng sự (2021) thực hiện một nghiên cứu thực nghiệm định lượng nhằm khám phá mối quan hệ giữa trình độ tiếng Anh và những thách thức liên quan đến ngôn ngữ học thuật mà sinh viên gặp phải trong lớp học EMI. Các tác giả đã thực hiện khảo sát tại một trường đại học ở Thổ Nhĩ Kỳ, gửi phiếu điều tra tới 99 sinh viên chuyên ngành Quan hệ quốc tế và 99 sinh viên chuyên ngành Kỹ thuật điện tử. Kết quả cho thấy đối với cả hai nhóm sinh viên, trình độ Tiếng Anh có ảnh hưởng đáng kể tới mức độ thách thức liên quan đến ngôn ngữ mà sinh viên gặp phải trong lớp học EMI. Bên cạnh đó, dường như cảm nhận về mức độ thách thức liên quan đến ngôn ngữ đối với sinh viên chuyên ngành Quan hệ quốc tế cao hơn so với sinh viên chuyên ngành Kỹ thuật điện tử.

4.1.2. Thách thức liên quan đến các kỹ năng Tiếng Anh học thuật

Từ kết quả của các nghiên cứu liên quan nêu trên, có thể hệ thống các thách thức liên quan đến ngôn ngữ theo từng kỹ năng cụ thể nghe - đọc - nói - viết. Đối với kỹ năng nghe, sinh viên gặp khó khăn khi nghe hiểu bài giảng. Khó khăn này có thể bắt nguồn từ việc giảng viên sử dụng từ chuyên ngành, hoặc có thể là

do không quen với cách phát âm – giọng nói của giảng viên. Đối với kỹ năng đọc, các thuật ngữ chuyên ngành là trở ngại lớn nhất với sinh viên trong quá trình đọc hiểu các tài liệu học tập. Đối với kỹ năng nói, sinh viên thường gặp khó khăn trong việc diễn đạt ý trong khi thuyết trình hoặc thảo luận. Việc nói trước tập thể cũng là một thách thức với sinh viên. Đối với kỹ năng viết, sinh viên gặp khó khăn không chỉ do kỹ năng Tiếng Anh không đầy đủ mà còn do các diễn ngôn học thuật và các quy ước tham khảo không quen thuộc.

Trong bốn kỹ năng Tiếng Anh: nghe – nói – đọc – viết, việc sinh viên gặp khó khăn ở kỹ nào nhất khá đa dạng ở mỗi bối cảnh khác nhau. Cụ thể, trong nghiên cứu của Kamaşak và cộng sự (2021), sinh viên gặp khó khăn hơn về các kỹ năng sản xuất (ví dụ: viết và nói) so với các kỹ năng tiếp thu (ví dụ: đọc và nghe). Tuy nhiên, nghiên cứu của Aizawa và cộng sự (2023) lại cho thấy sinh viên gặp thách thức ít nhất trong kỹ năng viết, và gặp khó khăn nhất với kỹ năng nói và đọc. Việc được tham gia lớp học dự bị về kỹ năng viết trước khi tham gia lớp học EMI có thể là một trong các nguyên nhân lý giải cho kết quả này của Aizawa và cộng sự.

Các nghiên cứu liên quan cũng đề cập đến việc thách thức liên quan đến ngôn ngữ trong lớp học EMI còn phụ thuộc vào chuyên ngành mà sinh viên theo học. Theo đó, mỗi chuyên ngành khoa học có một hệ thống ngôn ngữ, cách sắp xếp và diễn đạt thông tin khác nhau. Do vậy, người học cần có kiến thức rõ ràng về ngôn ngữ tiếng Anh để sử dụng một cách hiệu quả. Aizawa và cộng sự (2023) cũng đưa ra quan điểm sinh viên tham gia lớp học EMI không chỉ cần có trình độ tiếng Anh tổng quát mà còn phải có khả năng kiểm soát ngôn ngữ chuyên ngành, bao gồm năng lực sử dụng tiếng Anh cho mục đích học thuật (English for academic purpose: EAP) và tiếng Anh chuyên ngành (English for specific purposes: ESP).

4.1.3. Mối liên hệ giữa sự thông thạo Tiếng Anh và các thách thức liên quan đến ngôn ngữ trong lớp học EMI

Từ thực trạng của các lớp học EMI trong các nghiên cứu liên quan, có thể thấy các nghiên cứu đều nhấn mạnh trình độ tiếng Anh có mối liên hệ mật thiết với các thử thách sinh viên gặp phải trong khi tham gia lớp học EMI. Theo đó, sự thông thạo các kỹ năng Tiếng Anh học thuật giúp sinh viên vượt qua các rào cản ngôn ngữ trong lớp học EMI, ví dụ như tự tin tham gia thảo luận, bày tỏ ý kiến, hoặc ít gặp khó khăn hơn trong nghe và viết Tiếng Anh.

Tuy nhiên, thực trạng triển khai lớp học EMI từ các nghiên cứu liên quan cũng cho thấy bản chất nhiều mặt của việc xác định các thách thức liên quan đến ngôn ngữ đối với sinh viên khi tham gia lớp học EMI. Theo đó, các thách thức này không chỉ liên quan đến năng lực ngôn ngữ, mà còn bởi còn bởi các yếu tố khác như kiến thức chuyên ngành mà sinh viên đã có trước đó, động lực và môi trường học tập trong lớp (Aizawa và cộng sự, 2023). Trong nghiên cứu của Nguyễn Trung Hiếu và Trần Quốc Thao (2023), đa số sinh viên tham gia cho rằng các yếu tố liên quan đến động lực nâng cao kỹ năng tiếng Anh và việc nhận được sự động viên, hỗ trợ từ thầy cô, bạn bè trong học tập ảnh hưởng rất lớn đến cảm nhận của họ về thách thức trong lớp học EMI.

4.2. Thảo luận

Từ cơ sở lý thuyết cũng như kết quả nghiên cứu, có thể nhận thấy năng lực Tiếng Anh của người học là một trong các yếu tố quan trọng khi tham gia lớp học EMI bên cạnh các yếu tố khác như sự sẵn sàng tham gia học chuyên môn bằng Tiếng Anh thay vì tiếng mẹ đẻ, sự hỗ trợ từ phía Nhà trường, thầy cô giáo và bạn học. Ở góc độ giảng dạy môn chuyên ngành bằng tiếng Anh, sự tích hợp nội dung chuyên môn và nội dung ngôn ngữ có thể coi là một xu hướng đúng đắn và cần thiết trong bối cảnh phát triển các chương trình EMI

nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và ngoại ngữ cho sinh viên khi họ phải đối mặt với các thách thức ngôn ngữ trong lớp học EMI. Do vậy, trong phần Trao đổi và đề xuất, tác giả đưa ra các trao đổi về Chương trình dự bị tiếng Anh, và Kết hợp chuyên môn và ngoại ngữ trong giảng dạy tại lớp học EMI và phát triển đội ngũ giảng viên dạy lớp học EMI.

4.2.1. Chương trình dự bị tiếng Anh

Việc triển khai chương trình dự bị tiếng Anh được coi là chương trình cầu nối quan trọng, hỗ trợ sinh viên có đủ năng lực tiếng Anh cho việc tham gia lớp học EMI (Baker & Jones (1998) trích dẫn trong nghiên cứu của Trần Thị Thanh Quyên & Phương Hoàng Yến (2019)). Thực tế, nhiều trường đại học ở Việt Nam cũng đang triển khai khóa học dự bị Tiếng Anh với mục tiêu giúp cho sinh viên đạt được trình độ Tiếng Anh tương đương B2 khung châu Âu trước khi tham gia học các môn chuyên ngành bằng Tiếng Anh. Tại một số trường, chương trình dự bị chuẩn bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng của cả tiếng Anh tổng quát và tiếng Anh chuyên ngành, đặc biệt là tự vựng chuyên môn. Tuy nhiên, một số trường chỉ tập trung tới việc cải thiện tiếng Anh tổng quát (Trần Thị Thanh Quyên & Phương Hoàng Yến, 2019)

Cần nhấn mạnh, mặc dù năng lực ngôn ngữ được nhiều nhà nghiên cứu cho rằng là yếu tố chính quyết định các thách thức ngôn ngữ mà sinh viên gặp phải trong lớp học EMI, nhưng đó không phải là yếu tố duy nhất. Do vậy, các lớp học dự bị không nên chỉ đơn thuần giúp sinh viên đạt được kết quả theo yêu cầu cho các kỳ thi chứng chỉ Tiếng Anh mà còn cần chuẩn bị cho người học sự sẵn sàng khi học các môn chuyên ngành bằng Tiếng Anh bao gồm từ vựng chuyên ngành cũng như tâm lý học tập.

4.2.2. Kết hợp chuyên môn và ngoại ngữ trong lớp học EMI

Thực tế cho thấy các giảng viên tham gia lớp học EMI đều lên lớp với một

tâm thế là giảng viên chuyên môn, và sử dụng Tiếng Anh để truyền tải kiến thức chuyên môn. Do vậy, cần có sự thay đổi về cách tiếp cận trong phương pháp giảng dạy của giảng viên, chuyển từ mục tiêu chuyên môn (EMI thuần túy) sang tích hợp mục tiêu chuyên môn và mục tiêu ngôn ngữ trong lớp học EMI (CLILised EMI). Để đạt được mục tiêu tích hợp này, giảng viên tham gia các lớp học EMI cần xác định rõ yêu cầu về ngôn ngữ cho từng nội dung chuyên môn cụ thể. Ngôn ngữ ở đây không chỉ là từ vựng chuyên ngành mà là ngôn ngữ học thuật liên quan đến nội dung, ví dụ như sinh viên phải nghe-nói-đọc-viết được về các nội dung chuyên môn liên quan. Để giúp sinh viên dễ dàng hơn trong việc tiếp cận chuyên môn bằng Tiếng Anh, giảng viên cần xác định rõ yêu cầu về ngôn ngữ cho từng giai đoạn học tập của môn học, chia nhỏ nội dung chuyên môn, thực hiện các hoạt động giảng dạy và học tập lồng ghép ngôn ngữ và chuyên môn. Khi nhận thấy sinh viên đã đạt được yêu cầu nhất định về ngôn ngữ, giảng viên có thể giảm dần nội dung ngôn ngữ, tăng nội dung chuyên môn trong lớp học EMI.

4.2.3. Phát triển đội ngũ giảng viên

Giảng viên trong lớp học nào đều có vai trò quan trọng, vừa là người tổ chức hoạt động, hỗ trợ, vừa hướng dẫn sinh viên. Trong lớp học sử dụng tiếng Anh làm phương tiện giảng dạy thì vai trò của giảng viên không chỉ là hỗ trợ sinh viên học kiến thức chuyên ngành mà để việc học diễn ra hiệu quả thì người thầy cũng cần biết cách hỗ trợ quá trình học ngôn ngữ của người học. Hiện nay, chưa có chương trình chính thống nào đào tạo giáo viên EMI ở Việt Nam. Tuy nhiên, thực tế có một số xu hướng phát triển đội ngũ giảng viên này như: (1) Lấy nguồn các giảng viên nước ngoài, sau đó đào tạo, bồi dưỡng thêm và giúp họ hiểu rõ hơn về người học, môi trường và hệ thống ở Việt Nam; (2) Với các giảng viên Việt Nam được đào tạo ở nước ngoài về, giỏi về

chuyên môn và tiếng Anh thì nên tập huấn và bồi dưỡng thêm về cách thức giảng dạy hoặc cách thức hỗ trợ người học trong lớp học EMI; (3) Với các giảng viên chuyên về ngôn ngữ thì có thể đào tạo thêm về chuyên ngành và khuyến khích họ tự trau dồi kiến thức để dạy chuyên ngành khác bằng tiếng Anh.

Việc sử dụng tiếng Anh trong giảng dạy các môn học sẽ giúp thúc đẩy sự phát triển nguồn nhân lực toàn cầu; tăng tính cạnh tranh với quốc tế; thu hút sinh viên nước ngoài... Để cải thiện chất lượng của các lớp học này, giảng viên cần tìm hiểu, lựa chọn những khía cạnh và nội dung mà sinh viên sẽ dễ dàng nắm bắt được kiến thức nhất. Người thầy nên thay đổi phong cách giảng dạy của mình, không nên sử dụng phong cách khi mà họ giảng dạy môn học đó bằng tiếng mẹ đẻ. Họ cũng cần cố gắng sử dụng những từ vựng tiếng Anh đơn giản, dễ hiểu trong việc giải thích các định nghĩa, kiến thức chuyên ngành. Đồng thời, nếu có sự tham gia của các sinh viên nước ngoài trong các lớp học này sẽ giúp sinh viên tự tin trao đổi, thảo luận với nhau hơn.

V. Kết luận

Trên cơ sở phân tích tổng hợp các nghiên cứu liên quan, bài viết đã tổng hợp các thử thách liên quan đến ngôn ngữ mà sinh viên thường gặp phải trong lớp học EMI, từ đó đưa ra một số trao đổi và đề xuất trong việc trợ giúp ngôn ngữ cho sinh viên học môn chuyên ngành bằng Tiếng Anh. Nhìn chung, các thách thức liên quan đến ngôn ngữ có thể được nhóm xung quanh bốn kỹ năng học thuật tiếng Anh: nghe-nói-đọc-viết và thuật ngữ chuyên ngành. Để trợ giúp ngôn ngữ cho sinh viên, việc triển khai các lớp học dự bị Tiếng Anh, và việc tiếp cận và áp dụng phương pháp sư phạm tích hợp nội dung và ngôn ngữ trong lớp học EMI đã được tác giả đề cập.

Cũng cần bàn thêm, các thách thức ngôn ngữ mà sinh viên phải đối mặt cần

được giảng viên, các nhà quản lý giáo dục xem xét cụ thể trong từng bối cảnh liên quan đến nền văn hóa, xã hội (Pun & Jin, 2021); từ đó có những trợ giúp cụ thể đối với các đối tượng sinh viên khác nhau. Các trợ giúp này không chỉ giúp sinh viên giảm bớt các thách thức liên quan đến ngôn ngữ nói riêng cũng như các thách thức nói chung mà sinh viên phải đối mặt trên hành trình EMI của mình, mà còn giúp nâng cao chất lượng triển khai các chương trình EMI, từ đó đạt được các mục tiêu đề ra trong việc xây dựng và phát triển việc giảng dạy các môn chuyên ngành bằng Tiếng Anh.

Để các đề xuất mang tính thực tiễn và khách quan hơn, các nghiên cứu sau này có thể thực hiện khảo sát về nhu cầu của giảng viên và sinh viên trong các hỗ trợ về ngôn ngữ mà họ cần có khi tham gia lớp học EMI cũng như các nhận định của họ về tính cấp thiết và hiệu quả của các đề xuất mà tác giả đề cập trong bài viết này.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Aizawa và cộng sự. Beyond the threshold: Exploring English language proficiency,
- [2]. linguistic challenges, and academic language skills of Japanese students in an English medium instruction programme. *Language Teaching Research*, 2023, Vol. 27(4) 837–861. ps://doi.org/10.1177/1362168820965510
- [3]. Altay và cộng sự. Students' academic language-related challenges in English Medium Instruction: the role of English proficiency and language gain, *System*, 2021, Vol. 103, 102651. <https://doi.org/10.1016/j.system.2021.102651>
- [4]. Balbina. What students have to say about EMI: Exploring university students' perspectives on changing the learning/ teaching language to English, *E.S.P Today*, 2022, Vol. 10(2)(2022): 263-285 (e-ISSN:2334-9050) <https://doi.org/10.18485/esptoday.2022.10.2.4>
- [5]. Blue. *Different types of language used for EMI and CLIL programmes*, 2018 Retrieved from <https://www.cambridge.org/elt/blog/2018/05/04/emi-clil-programmes/>
- [6]. Brown & Bradford. EMI, CLIL, & CBI: Differing approaches and goals. In P. Clements, A. Krause, & H. Brown (Eds.), *Transformation in language education*. 2017 Tokyo: JALT.
- [7]. Dearden. English as a medium of instruction: A growing global phenomenon. London: *British Council*. 2015 Retrieved from www.britishcouncil.org/education/ihe/knowledge-centre/english-language-higher-education/report-english-mediuminstruction
- [8]. Kamaşak và cộng sự. Academic language-related challenges at an English-medium university. *English for Academic Purposes*, 2021, 49, 100945, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.jeap.2020.100945>
- [9]. Kumar Shanthi. Using Content and Language Objectives to Help All Students in Their Learning, 2018 Retrieved from <https://achievethecore.org/aligned/using-content-and-language-objectives-to-help-all-students-in-their-learning/>
- [10]. Le Duc Manh. English as medium of instruction at tertiary education system in Vietnam. *The Journal of Asia TEFL*, 2012, Vol. 9, No. 2, pp.97-122
- [11]. Lê Thị Tuyết Hạnh. Chương trình dạy môn chuyên ngành bằng Tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục đại học trong nước và trên thế giới: thực trạng áp dụng và đề xuất cải thiện. *Tạp chí Khoa học và giáo dục Việt Nam*, 2021, tr.60-64
- [12]. Macaro và cộng sự. English medium instruction: Global views and countries in focus. *Lang. Teach.*, 2019, 52.2, pp. 231-248
- [13]. Nguyen Thu Huong. English-medium-instruction management: the missing piece in the Internationalization puzzle of Vietnamese Higher Education. *Higher Education Dynamics*, 2018, 51

- [14]. Nguyen Thu Huong và cộng sự. EMI Programs in a Vietnamese University: Language, Pedagogy and Policy Issues, in B. Fenton-Smith et al. (eds.), *English Medium Instruction in Higher Education in Asia-Pacific*, Springer International Publishing, 2017, pp. 37-52
- [15]. Pun & Jin. Student challenges and learning strategies at Hong Kong EMI universities. *PLoS ONE*, 2021, 16(5): e0251564. <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0251564>
- [16]. Tran Thi Thanh Quyen & Phuong Hoang Yen. An investigation into English preparatory programs for EMI learning in higher education institutes in Vietnam. *Can Tho University Journal of Science*, 2019, 11(2): 51-60
- [17]. Walkinshaw và cộng sự. EMI Issues and Challenges in Asia-Pacific Higher Education: An Introduction, in B. Fenton-Smith et al. (eds.), *English Medium Instruction in Higher Education in Asia-Pacific*, Springer International Publishing, 2017, pp. 1-18
- [18]. Yen H. Phuong & Thong T. Nguyen. Students' Perceptions Towards the Benefits and
- [19]. Drawbacks of EMI Classes. *English Language Teaching*; 2019, Vol. 12, No. 5, doi: 10.5539/elt.v12n5p88

LINGUISTIC CHALLENGES FOR STUDENTS IN CLASSES OF ENGLISH AS A MEDIUM OF INSTRUCTION

Nguyen Thi Thuy Nga[†]

Abstract: *In the context of globalization, more and more university training programs use English to teach specialized subjects (EMI - English as a medium of instruction). However, students participating in EMI classes face many challenges, most of which researchers mention language-related challenges. Based on secondary data from related studies, the article synthesizes language-related challenges for students in EMI classrooms. Research shows that besides the linguistic content surrounding the four English academic skills: listening, speaking, reading, writing, vocabulary, and specialized knowledge, learners face language-related challenges. Additionally, studies show an association between English proficiency and language-related challenges in EMI classrooms. From the research results, the author discusses proposals for language assistance for EMI students, including implementing preparatory classes and approaching pedagogical methods that integrate content and language in the EMI class.*

Keywords: *language-related challenges, English as a means of teaching specialized subjects, higher education, English proficiency.*

[†] Hanoi Procuratorate University.